Đất giao thông và đường sắt
Đất giao thông và đường sắt (TCXD)
Đất dân dụng (xanh công cộng)
Đất dân dụng (hàng không, CTCC)
Đất dân dụng (thấp tầng)
Đất dân dụng (thấp tầng, CTCC)
Đất dân dụng (cao tầng)
Đất dân dụng (cao tầng, CTCC)
Đất công nghiệp
Đất công nghiệp (CTCC)
Đất nông nghiệp (ngoài ranh ĐTXD)
Đất nông nghiệp (trong ranh ĐTXD)
Đất nông nghiệp (trong ranh ĐTXD, CTCC)
Đất nghĩa trang
Đất nghĩa trang (CTCC)
Đất sông, suối, kênh, rạch
Đường ranh giới
Đường ranh giới (CTCC)
Đường ranh giới (trong ranh ĐTXD)
Đường ranh giới (trong ranh ĐTXD, CTCC)
Đường ranh giới (ngoài ranh ĐTXD)
Đường ranh giới (ngoài ranh ĐTXD, CTCC)
Đường ranh giới (ranh ĐTXD)
Đường ranh giới (ranh ĐTXD, CTCC)
Đường ranh giới (ranh ĐTXD, CTCC)
Đường ranh giới (ranh ĐTXD, CTCC